

**THÔNG TƯ số 25/2003/TT-BLĐTBXH**  
**ngày 10/11/2003 hướng dẫn**  
**cách tính số lao động sử dụng**  
**thường xuyên và xây dựng**  
**phương án sử dụng lao động**  
**khi doanh nghiệp tổ chức lại**  
**theo quy định tại Nghị định số**  
**27/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003**  
**của Chính phủ.**

*Thi hành Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, sau khi có ý kiến tham gia của một số Bộ, ngành có liên quan, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cách tính số lao động sử dụng thường xuyên và xây dựng phương án sử dụng lao động khi doanh nghiệp tổ chức lại như sau:*

### I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đối tượng áp dụng cách tính số lao động sử dụng thường xuyên và xây dựng phương án sử dụng lao động khi doanh nghiệp tổ chức lại là những đối tượng quy định tại Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều

của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

### II. CÁCH TÍNH SỐ LAO ĐỘNG SỬ DỤNG THƯỜNG XUYỀN

1. Số lao động sử dụng thường xuyên của doanh nghiệp được tính là số lao động sử dụng bình quân năm, tháng.
2. Số lao động sử dụng bình quân năm được tính theo công thức sau:

$$\bar{L}_k = \frac{\sum_{i=1}^t \bar{l}_i}{t}$$

Trong đó:

$\bar{L}_k$ : là số lao động sử dụng bình quân của năm k;

$\bar{l}_i$ : là số lao động sử dụng bình quân của tháng thứ i trong năm k;

$\sum_{i=1}^t \bar{l}_i$ : là tổng của số lao động sử dụng bình quân các tháng trong năm k.

t: là số tháng trong năm k.

Riêng đối với các doanh nghiệp mới bắt đầu hoạt động thì số tháng trong năm được tính theo số tháng thực tế hoạt động trong năm.

**Ví dụ 1:** Doanh nghiệp A bắt đầu hoạt động tháng 3 năm 2002 và có số lao động sử dụng bình quân các tháng trong năm 2002 như sau:

Tháng	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số lao động sử dụng bình quân của từng tháng	66	70	61	63	54	58	57	54	65	62

Số lao động sử dụng bình quân năm 2002 được tính như sau:

- Tổng của số lao động sử dụng bình quân các tháng trong năm 2002 của doanh nghiệp A:

$$\sum_{i=1}^t \bar{l}_i = 66 + 70 + 61 + 63 + 54 + 58 + 57 + 54 + 65 + 62 = 610$$

- Số tháng trong năm 2002:  $t = 10$  tháng

Vậy, số lao động sử dụng bình quân năm 2002 là:  $610/10 = 61$

3. Số lao động sử dụng bình quân tháng được tính theo công thức sau:

$$\bar{l}_i = \frac{\sum_{j=1}^n x_j}{n}$$

$\bar{l}_i$ : là số lao động sử dụng bình quân của tháng thứ  $i$  trong năm;

$x_j$ : là số lao động của ngày thứ  $j$  trong tháng, bao gồm số lao động (thuộc diện giao kết hợp đồng lao động và không thuộc diện giao kết hợp đồng lao động) thực tế đang có mặt làm việc và nghỉ việc

do ốm, thai sản, con ốm mẹ nghỉ, tai nạn lao động, nghỉ phép năm, đi học do đơn vị cử, nghỉ việc riêng có hưởng lương theo bảng chấm công của đơn vị, bao gồm cả cán bộ quản lý và cán bộ của các tổ chức đoàn thể.

Đối với những ngày nghỉ thì lấy số lao động theo bảng chấm công của ngày làm việc liền kề trước những ngày nghỉ đó.

$\sum_{j=1}^n x_j$ : là tổng số lao động các ngày trong tháng;

$n$ : là số ngày theo ngày dương lịch của tháng (không kể đơn vị có làm đủ hay không đủ số ngày trong tháng).

$i$ : là tháng trong năm;

$j$ : là ngày trong tháng.

Riêng đối với doanh nghiệp mới bắt đầu hoạt động thì số ngày trong tháng đầu được tính theo số ngày thực tế hoạt động trong tháng.

**Ví dụ 2:** Doanh nghiệp A bắt đầu hoạt động từ ngày 20/3/2002 và có số lao động sử dụng từng ngày của tháng 3/2002 như sau:

Ngày trong tháng 3/2002	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Số lao động sử dụng từng ngày	60	65	72	85	80	75	70	60	50	65	45	65

Số lao động sử dụng bình quân của tháng 3/2002 được tính như sau:

- Tổng số lao động các ngày trong tháng 3/2002:

$$\sum_{j=1}^n x_j = 60 + 65 + 72 + 85 + 80 + 75 + 70 + 60 + 50 + 65 + 45 + 65 = 792$$

- Số ngày trong tháng 3/2002 là:  $n = 12$  ngày

Vậy, số lao động sử dụng bình quân của tháng 3 năm 2002 là:  $792/12 = 66$

### **Cách tính đối với số thập phân:**

Khi tính số lao động sử dụng bình quân năm theo công thức trên nếu có số thập phân thì làm tròn số theo nguyên tắc: phần thập phân từ 0,5 trở lên thì làm tròn thành 1, dưới 0,5 thì không tính (ví dụ: 499,51 thì làm tròn là 500; nếu 499,45 thì làm tròn là 499). Đối với số lao động sử dụng bình quân tháng có số thập phân thì được giữ nguyên sau dấu phẩy hai số và không làm tròn số.

## **III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG KHI DOANH NGHIỆP TỔ CHỨC LẠI**

Phương án sử dụng lao động khi doanh nghiệp tổ chức lại theo quy định tại tiết c khoản 6 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 nêu trên bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

### **1. Xác định số lao động theo các nhóm:**

a) Số lao động tiếp tục được sử dụng

theo hợp đồng lao động (bao gồm số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, đang nghỉ theo các chế độ thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp);

b) Số lao động đưa đi đào tạo lại để tiếp tục sử dụng;

c) Số lao động nghỉ hưu;

d) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động;

**2. Xác định trách nhiệm của người sử dụng lao động:** Người sử dụng lao động cũ và người sử dụng lao động kế tiếp có trách nhiệm giải quyết các quyền lợi của người lao động được hưởng theo pháp luật quy định, trước nhất là trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật, cũng như các khoản mà người lao động phải thanh toán theo pháp luật quy định hoặc hai bên đã thỏa thuận.

Phương án sử dụng lao động của doanh nghiệp phải có ý kiến tham gia của Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành công đoàn lâm thời. Trước khi thực hiện phải thông báo công khai cho người lao động được biết và báo cáo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương sở tại hoặc Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (đối với các doanh nghiệp thuộc khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao).

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu giải quyết./.

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương  
binh và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG

*BỘ TÀI CHÍNH*

#### **THÔNG TƯ số 106/2003/TT-BTC ngày 07/11/2003 hướng dẫn quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc xã, thị trấn.**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 đã được Quốc hội Khóa XI kỳ họp thứ II thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2002;*

*Căn cứ Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số*

*52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;*

*Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc xã, thị trấn như sau:*

#### I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng cho các dự án đầu tư của xã, thị trấn quản lý (sau đây gọi chung là xã) để xây mới, cải tạo, nâng cấp các công trình phúc lợi (trường học, trạm y tế, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, nhà văn hóa, thư viện, đài tưởng niệm, cơ sở thể dục thể thao,...), công trình hạ tầng (cầu cống, đường giao thông, công trình thoát nước công cộng, vỉa hè,...) bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước được Hội đồng nhân dân xã thông qua. Các nguồn vốn khác quy định tại điểm 1.2; 1.3 Mục II dưới đây khuyến khích vận dụng theo Thông tư này.

2. Các dự án đầu tư do cấp xã quản lý phải có trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với các điều kiện phát triển kinh tế xã hội của xã, có đầy đủ thủ tục đầu tư và xây dựng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Nghiêm cấm việc triển khai dự án khi chưa có nguồn vốn đảm bảo. Các